# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc120625408)

[DANH MỤC CÁC BẢNG 4](#_Toc120625409)

[THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 5](#_Toc120625410)

[1. Tên chủ cơ sở 5](#_Toc120625411)

[2. Tên cơ sở 5](#_Toc120625412)

[3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 6](#_Toc120625413)

[*3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 6*](#_Toc120625414)

[*3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 6*](#_Toc120625415)

[3.2.1 Quy trình chăn nuôi gà thịt 6](#_Toc120625416)

[3.2.2. Quy trình trồng nấm 8](#_Toc120625417)

[3.2.3. Trồng cây dược liệu 9](#_Toc120625418)

[3.3. Sản phẩm của cơ sở 9](#_Toc120625419)

[4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 10](#_Toc120625420)

[*4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở 10*](#_Toc120625421)

[*4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở 12*](#_Toc120625422)

[5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở 14](#_Toc120625423)

[*5.1. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở và các hạng mục công trình đã đầu tư 14*](#_Toc120625424)

[***5.2. Tổ chức quản lý và hoạt động của Cơ sở 16***](#_Toc120625425)

[Chương II 17](#_Toc120625426)

[SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 17](#_Toc120625427)

[1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 17](#_Toc120625428)

[2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 17](#_Toc120625429)

[Chương III 18](#_Toc120625430)

[KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 18](#_Toc120625431)

[1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 18](#_Toc120625432)

[*1.1. Thu gom, thoát nước mưa 18*](#_Toc120625433)

[*1.2. Thu gom, thoát nước thải 18*](#_Toc120625436)

[*1.3. Xử lý nước thải 20*](#_Toc120625438)

[3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 23](#_Toc120625440)

[4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 24](#_Toc120625441)

[5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 24](#_Toc120625442)

[6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 25](#_Toc120625443)

[7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 26](#_Toc120625444)

[Chương IV 28](#_Toc120625445)

[NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 28](#_Toc120625446)

[1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 28](#_Toc120625447)

[*1.1 Nước thải sinh hoạt 28*](#_Toc120625448)

[*1.2. Nước thải sản xuất 29*](#_Toc120625449)

[2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 29](#_Toc120625450)

[3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 29](#_Toc120625451)

[Chương V 30](#_Toc120625452)

[KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 30](#_Toc120625453)

[1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo 30](#_Toc120625454)

[Chương VI 31](#_Toc120625455)

[CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 31](#_Toc120625456)

[1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 31](#_Toc120625457)

[2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 31](#_Toc120625458)

[3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 32](#_Toc120625462)

[Chương VII 33](#_Toc120625463)

[KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 33](#_Toc120625464)

[Chương VIII 34](#_Toc120625465)

[CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 34](#_Toc120625466)

[PHỤ LỤC BÁO CÁO 35](#_Toc120625467)

[CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO 36](#_Toc120625468)

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **VIẾT TẮT** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | BTNMT | Bộ Tài nguyên Môi trường |
| 2 | BVMT | Bảo vệ môi trường |
| 3 | BYT | Bộ Y tế |
| 4 | CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| 5 | CP | Chính phủ |
| 6 | CTNH | Chất thải nguy hại |
| 7 | CTR | Chất thải rắn |
| 8 | KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| 9 | KT-XH | Kinh tế - xã hội |
| 10 | NĐ | Nghị định |
| 11 | PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| 12 | QCVN | Quy chuẩn Việt Nam |
| 13 | TCVN | Tiêu chuẩn Việt Nam |
| 14 | TCXDVN | Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam |
| 15 | UBND | Ủy ban nhân dân |

# DANH MỤC CÁC BẢNG

[Bảng 1.1. Quy mô hoạt động của Trang trại 6](#_Toc120178679)

[Bảng 1.2. Khối lượng thức ăn cho gà thịt [10] 10](#_Toc120178680)

[Bảng 1.3. Quy trình tiêm vắc-xin ở gà thịt 11](#_Toc120178681)

[Bảng 1.4. Nguyên liệu làm phôi nấm (01 vụ) 12](#_Toc120178682)

[Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước sản xuất của Trang trại [11] 13](#_Toc120178683)

[Bảng 1.6. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình 15](#_Toc120178684)

[Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải.........28](#_Toc120625610)

[Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu 30](#_Toc120625495)

[Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí 30](#_Toc120625496)

**CHƯƠNG I**

# THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

# 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Ông Phạm Hóa.

- Địa chỉ văn phòng: thôn Phú Mỹ Kiên, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Phạm Hóa - Chức vụ: Chủ cơ sở.

- Điện thoại: 0919 358 171.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ đăng ký kinh doanh của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương: Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28/8/2020 của Hội đồng nhân dân xã Triệu Thuận về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trang trại nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp.

# 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Xây dựng trang trại nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp.

- Địa điểm cơ sở: thôn Dương Đại Thuận, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có diện tích 26.732m2, thuộc thửa đất số 1303, 1304 tờ bản đồ số 08 và thửa đất số 63 tờ bản đồ số 07 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 31/12/2020.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt Cơ sở: Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng trang trại nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp;

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản có tổng mức đầu tư 7,6 tỷ đồng, thuộc dự án nhóm C. Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án nhóm II quy định tại mục số 01 phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

# 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

# 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Cơ sở chăn nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp có diện tích sử dụng đất là 26.732m2. Quy mô hoạt động của Trang trại như sau:

Bảng 1.1. Quy mô hoạt động của Trang trại

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Quy mô** | **Ghi chú** |
| 1 | Gà thịt | Con/lứa | 54.000 | 3 lứa/năm |
| 2 | Nấm ăn | Tấn/vụ | 5 | 3 vụ/năm |
| 3 | Cây dược liệu | Tấn/3 năm | 30 | 01 vụ/3 năm |

# Cơ sở đã đi vào hoạt động từ tháng 2/2022 với hạng mục chăn nuôi gà thịt. Đối với hạng mục trồng nấm và cây dược liệu sẽ được chủ Cơ sở đầu tư thực hiện trong thời gian tới.

# 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

## *3.2.1 Quy trình chăn nuôi gà thịt*

Gà đạt chuẩn xuất chuồng

(90 ngày)

Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam thu mua

Gà con

(1 ngày tuổi)

Quá trình nuôi

Thức ăn thừa; phân kết hợp với vỏ trấu

Thức ăn; Nước uống

- Vỏ trấu (lót nền chuồng)

Thuốc thú y; Vắc xin

- Tiếng ồn;

- Mùi hôi (NH3; H2S)

Bao bì thức ăn; Chai, lo thuốc thú y, kim tiêm,…

- Gà chết do dịch bệnh.

Nước thải vệ sinh trại sau khi xuất gà.

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình chăn nuôi có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ sinh trưởng và trọng lượng của gà như: con giống, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, mật độ nuôi, nước uống và thức ăn. Do đó, để đảm bảo quá trình nuôi trong vòng 90 ngày gà đạt trọng lượng từ 2-2,5kg. Quy trình nuôi như sau:

- Con giống: giống cấp cho trang trại là loại gà Tam Hoàng (gà con 1 ngày tuổi dùng để nuôi thịt) của Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam. Giống gà được đăng ký chỉ tiêu chất lượng bắt buộc phải công bố và mức chất lượng đối với giống vật nuôi theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT.

- Nhiệt độ: nhiệt độ của chuồng nuôi sẽ ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng, mọc lông và quá trình hấp thụ thức ăn của gà (nếu nhiệt độ quá thấp gà sẽ ăn nhiều hơn hoặc nếu nhiệt độ quá cao gà sẽ giảm ăn).

- Khu vực nuôi phải thoáng mát và có đủ ảnh sáng. Hệ thống làm mát và quạt hút sẽ giúp cung cấp đầy đủ lượng oxy cho gà, thải khí (NH3, H2S…) ra khỏi chuồng nuôi, kiểm soát được ẩm độ và nhiệt độ trong chuồng nuôi, đồng thời còn giúp kiểm soát được dịch bệnh. Tổng thời gian chiếu sáng cho gà thịt từ 1 ngày đến 4 tuần khoảng 20-24 giờ và 10-18 giờ cho gà từ 5 tuần đến xuất bán.

- Độ ẩm: Gà rất nhạy cảm với ẩm độ cao nên chuồng nuôi cần độ ẩm trung bình khoảng 60-70%.

- Mật độ nuôi: Khi mật độ nuôi thích hợp gà tăng trưởng tốt và ít nhiễm bệnh. Mật độ nuôi gà thịt thương phẩm đến xuất chuồng khoảng 10 con gà/m².

- Nước uống: Nước có vai trò rất quan trọng trong quá trình trao đổi chất ở gia cầm, việc thiếu nước uống trong chăn nuôi gà công nghiệp thường gây hậu quả nghiêm trọng cho đàn gà, gà có thể bị chết sau 24 giờ bị khát nước, thậm chí thiếu 10% nước uống gà thịt sẽ chậm lớn, hiệu quả sử dụng thức ăn kém.

- Thức ăn: Thức ăn là yếu tố quan trọng giúp gà tăng trưởng tốt và đảm bảo đạt được trọng lượng theo đúng chu kỳ chăn nuôi. Đối với gà nuôi công nghiệp thức ăn được chế biến ở dạng viên sẽ dễ hấp thu hơn và hạn chế lượng thức ăn rơi vãi ra xung quanh (so với thức ăn dạng bột).

Đồng thời, trong quá trình nuôi sẽ thường xuyên tiêm phòng cho gà để hạn chế dịch bệnh và tổ chức vệ sinh, sát trùng chuồng trại.

Gà sau khi nuôi đạt trọng lượng trung bình từ 2- 2,5kg tương ứng 90 ngày tiến hành xuất chuồng (ở mức thể trọng này phẩm chất thịt ngon nhất).

Quá trình chăn nuôi gà được lót lớp đệm sinh học gồm vỏ trấu trộn với chế phẩm sinh học để giảm mùi hôi. Sau khi gà xuất chuồng tiến hành vệ sinh tổng thể trên toàn bộ khu vực chuồng nuôi. Quá trình này bao gồm vệ sinh chuồng, các thiết bị máng ăn, núm uống; Thu gom, xử lý phân gà; phun chế phẩm sinh học và khử trùng chuồng trại.

*\* Trang trại áp dụng một số tiêu chí theo luật công nghệ cao trong chăn nuôi như:*

- Sử dụng hệ thống chuồng kín, hệ thống điều hoà nhiệt độ, độ ẩm phù hợp có hệ thống kiểm soát tự động bằng cảm biến nhiệt.

- Hệ thống cấp nước chăn nuôi tự động.

- Sử dụng con giống chất lượng cao từ TNHH JAPFA COMFEED.

- Sử dụng hệ thống phun khử trùng tự động trong khu vực xuất bán và khử trùng của trang trại.

- Áp dụng công nghệ nuôi thân thiện với môi trường bằng đệm lót sinh học, giúp ngăn ngừa mùi hôi phát sinh từ phân gà và giảm các nguồn gây bệnh dịch.

## *3.2.2. Quy trình trồng nấm*

Nước vôi, cám, bột ngô, ...

Nước

Điện

Mùn cưa

Trộn, ủ

Đóng bịch

Hấp tiệt trùng

Cấy giống

Chăm sóc

Thu hoạch

CTR

Nước thải

Bụi

Xuất bán

Thuyết minh quy trình:

Nấm ăn được trồng trên giá thể phôi nấm là mùn cưa gỗ cao su. Công đoạn chuẩn bị phôi nấm là rất quan trọng quyết định chất lượng sản phẩm. Mùn cưa được đưa về kho chứa và định lượng các khối rồi trộn với nước vôi độ ẩm khoảng 70%, sau đó ủ kín trong 5 ngày để diệt khuẩn, sau đó tiếp tục trộn đều với cám gạo, bột ngô, bột khoáng và ủ tiếp 5 ngày trước khi đóng bịch. Công đoạn trộn được làm thủ công. Các bịch nấm được đóng với khối lượng khoảng 1kg bằng máy đóng bịch, sau đó đưa vào lò hấp tiệt trùng chạy bằng điện, lò hoạt động theo nguyên tắc hấp cách thủy trong thời gian 8 – 10 tiếng. Các bịch nấm sau hấp được làm nguội tự nhiên và đưa qua công đoạn cấy giống bằng thủ công. Bịch nấm sau khi được cấy giống sẽ được đưa lên giá để nuôi sợi trong khoảng 30 ngày. Sau khi sợi nấm mọc đều bề mặt bịch sẽ tiến hành rạch các lỗ trên bịch để nấm mọc ra. Công đoạn chăm sóc nấm thành phẩm sẽ được phun ẩm bằng hệ thống tự động để tạo điều kiện tốt nhất cho quá trình sinh trưởng của nấm. Hàng này công nhân sẽ thu hoạch nấm thành phẩm đóng gói để xuất bán.

## *3.2.3. Trồng cây dược liệu*

Cây dược liệu được lựa chọn là cây Đinh Lăng. Giống được cung cấp từ các cơ sở trên địa bàn và các tỉnh phía Bắc. Cây giống được đưa về trồng trong thời gian khoảng 3 năm sẽ cho thu hoạch củ, ngoài ra thân và lá đinh lăng cũng được thu hoạch để bán. Trong quá trình chăm sóc sẽ sử dụng phân gà và phôi nấm loại thải để bón cho cây trồng.

Giống Đinh Lăng trong bầu ươm kích thước 10x15cm được đưa về trồng tại trang trại. Hố trồng đào kích thước 30x30x25cm, khoảng cách các hố là 50cm, khoảng cách giữa các hàng là 1m. Sau khi cuốc hố xong, công nhân sẽ rải phân chuồng với khối lượng mỗi hố khoảng 1kg, trộn đều phân với đất và đặt hom giống xuống hố, tiến hành lấp hố, nén chặt cho hom thẳng đứng. Sau khi trồng xong tiến hành tưới nước giữ ẩm để tạo điều kiện tốt cho cây ra rễ và phát triển. Định kỳ theo dõi dịch bệnh, cỏ dại để can thiệp. Lắp đặt các bẫy đèn để bắt sâu bướm, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để diệt sâu và cỏ dại. Sau khi trồng 1 năm có thể thu hoạch tỉa cành lá để bán. Định kỳ 6 tháng bón phân chuồng 1 lần để giúp cây phát triển tốt. Sau thời gian 3 năm có thể thu hoạch lấy củ làm dược liệu.

# 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở bao gồm: gà thịt, nấm ăn (nấm bào ngư xám, nấm bào ngư trắng,...), cây dược liệu (đinh lăng) với số lượng thể hiện tại bảng 1.1. Tuy nhiên, hiện tại chủ Cơ sở mới chỉ hoạt động hạng mục chăn nuôi gà thịt với quy mô 5.400 con/lứa.

Sản phẩm gà thịt được Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam thu mua theo hình thức gia công; nấm ăn được thương lái thu mua để phân phối thị trường trong tỉnh và các tỉnh, thành phố lớn như Huế, Đà Nẵng và các tỉnh phía Bắc. Cây dược liệu được bán cho các công ty sản xuất thuốc, dược liệu như Công ty CP Traphaco.

# 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

# 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở

*\* Nhu cầu thức ăn*

Nguồn cung cấp thức ăn sử dụng tại Trang trại do Công ty TNHH JAPFA COMFEED cung cấp, theo từng thời kỳ phát triển của gà từ khi nhập về (gà 1 ngày tuổi) đến khi xuất chuồng (90 ngày) sẽ có nhu cầu, khối lượng thức ăn thích hợp.

Loại thức ăn là thức ăn công nghiệp hỗn hợp dạng viên giành cho gà thịt do Công ty TNHH JAPFA COMFEED sản xuất và cung cấp.

Với quy mô chăn nuôi gà thịt của Trang trại là 03 lứa/năm, mỗi lứa là 54.000 con. Lượng thức ăn sử dụng cho gà như sau:

Bảng 1.2. Khối lượng thức ăn cho gà thịt [10]

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại** | **Số lượng (con)** | **Định mức**  **(kg/con/ngày)** | **Khối lượng**  **(kg/ngày)** |
| Thức ăn nuôi gà thịt | 54.000 | 0,104 | 5.616 |

*\* Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin:*

Các vắc-xin sử dụng chủ yếu gồm: Newcastle chủng F, chủng Laxota, Laxota chịu nhiệt; Đậu gà; Gumboro; Tụ huyết trùng gia cầm, Vitamin E, C,… Liều lượng sử dụng theo chỉ định của Công ty TNHH JAPFA COMFEED. Trong đó quy trình tiêm như sau:

Bảng 1.3. Quy trình tiêm vắc-xin ở gà thịt

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày tuổi** | **Bệnh** | **Loại vắc xin** | **Phương pháp** | **Nhu cầu sử dụng/3tháng**  **(ml)** |
| 1 | Phòng bệnh cầu trùng | Livacox | Hòa 10ml dung môi Duluent 207 vào lọ có chứa100 liều vắc xin, nhỏ cho mỗi gà 2giọt vào mũi và miệng | 50(g) |
| 2 | Duluent 207 | Dung môi pha vaxin | - |
| 3 | Phòng bệnh hô hấp H120 CHB | Izovac CHB | Nhỏ mũi hoặc nhỏ mắt | 2.500 |
| 4 | Phòng bệnh cúm mùa | H9- Green | Men vi sinh rắc chuồng | 1.000 |
| 5 | Đậu gà | Avipro poxeo | Pha 10ml nước sinh lý mặn đã làm mát vào lọ 100ml, dùng kim chủng hoặc kim may máy nhúng vào lọ vắc xin đã pha, chích vào vùng da mỏng, mặt trong cánh gà. | 2.500 |
| 6 | Phòng bệnh Gumbor | IBA- Vac ST 1000ds | Hòa tan vắc-xin trong lọ với một lượng nhỏ nước, sau đó trộn đều vào lượng nước cần thiết cho gà uống. Lượng nước cần thiết phải đủ để đảm bảo việc chủng ngừa được đồng đều, tùy thuộc vào tuổi, mùa và nhiệt độ môi trường. | 2.500 |
| 7 | Tăng cường sức đề kháng(vitamin, khoáng và các axít amin) | SuperVita-M | Pha 2,5 – 5g/ 10 lít nước | 3.000 |
| 8 | Phòng bệnh ND và IB | Clone IB | Nhỏ mắt, nhỏ mũi hoặc hóa vào nước | 2.500 |
| 9 | Cúm gia cầm | vắc xin H5N1 | Tiêm dưới da cổ vắc xin H5N1 liều 0,3ml/con | 1.000 |
| 10 | Bệnh Newcastle (gà rù, toi gà) | Vắc xin Newcastle chủng Lasota | Pha 10 ml nước sinh lý mặn đã làm mát vào lọ 100 liều nhỏ mắt 2 giọt hoặc pha 500 ml nước sinh lý mặn vào lọ 100 liều cho uống 5 ml/con | 2.500 |
| 11 | Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa | Yenlistin 40% | Pha với tỷ lệ 1g/16-20lít nước. Thuốc được sử dụng hết trong vòng 24 giờ sau khi pha nước hoặc trộn thức ăn |  |
| 12 | Tăng cường chức năng gan | Heparenol | Pha vào nước uống hay trộn vào thức ăn. | 4.000 |

+ Sát trùng chuồng trại bằng Chloramin dùng nồng độ 0,3 - 0,5% (3 - 5g pha với 1 lít nước). Phun đều lên bề mặt chuồng trại. Cứ 250 lít dung dịch này phun cho 1.000 m2 diện tích chuồng trại. Diện tích chuồng trại của Cơ sở là 5.400m2 cần 1.350 lít dung dịch, tương đương với lượng Chloramin khoảng 4.050 – 6.750 g/đợt khử trùng.

+ Chế phẩm sinh học xử lý chất thải: EM,…

+ Trang trại sử dụng vỏ trấu để làm đệm lót sinh học tại các chuồng nuôi để giảm thiểu mùi hôi với bề dày từ 8-10cm/chuồng. Với diện tích 03 chuồng nuôi là 5.400m2 thì khối lượng vỏ trấu cần cho chuồng trại là 540m3. Tỷ trọng trấu khoảng 110kg/m3 thì lượng trấu cần sử dụng là 59.400 kg/đợt nuôi = 59,4 tấn/đợt nuôi; vỏ trấu được Chủ cơ sở mua từ Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị.

*\* Nhu cầu sử dụng nguyên liệu làm phôi nấm*

Quá trình chuẩn bị phôi nấm bao gồm các nguyên liệu như: mùn cưa, bột ngô, cám gạo, bột khoáng (CaCO3). Với quy mô trung bình 01 vụ trồng khoảng 100.000 bịch nấm (trọng lượng 1kg/bịch nấm), số lượng nguyên liệu cần sử dụng như sau:

Bảng 1.4. Nguyên liệu làm phôi nấm (01 vụ)

| **TT** | **Loại nguyên liệu** | **Công suất** | **Đơn vị tính** | **Số lượng (kg)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mùn cưa | 100.000kg (100.000 phôi) | kg | 80.000 |
| 2 | Vôi bột | 225 |
| 3 | Bột ngô, cám gạo | 4.800 |
| 4 | Bột khoáng | 800 |
| 5 | Nước | m3 | 15 |

# 4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở

- Điện: Điện phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt của CBCNV và vận hành hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở khoảng 17.000 kW/tháng;

- Nước: Sử dụng nước giếng khoan trong Trại để cấp cho các hoạt động sản xuất. Hiện tại, trang trại mới chỉ tiến hành nuôi khoảng 54.000 gà thịt, chưa tiến hành trồng nấm và cây dược liệu, lượng nước sử dụng thực tế trung bình khoảng 13,5 m3/ngày. Trong đó, nhu cầu dùng nước thường xuyên gồm: nước sinh hoạt: 1m3/ngày; nước cho gà uống khoảng 9 m3/ngày, nước làm mát chuồng trại khoảng 1m3/ngày và nhu cầu sử dụng nước không thường xuyên để vệ sinh chuồng trại khoảng 3m3/1 lần (định kỳ 3 tháng vệ sinh 1 lần).

Dự kiến, khi trại đi vào hoạt động với công suất tối đa, nhu cầu sử dụng nước của Trại như sau:

#### Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước sản xuất thực tế của Trang trại

| **TT** | **Đối tượng sử dụng nước** | **Quy mô** | **Định mức sử dụng** | **Khối lượng nước *(m3/ngày)*** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sử dụng hàng ngày** | **Không định kỳ** |
| **Hạng mục nuôi gà** | | | | | |
| 1 | Nước cho gà uống | 54.000 con | 166ml/con /ngày | 9 | - |
| 2 | Nước vệ sinh chuồng trại | 5.400m2 | 3m3 | - | 3 |
| 3 | Nước làm mát chuồng trại | **-** | **-** | 1 | - |
| **Hạng mục trồng nấm** | | | | | |
| 4 | Nước hấp phôi nấm | 100.000 bịch phôi | **-** | - | 5 |
| 5 | Nước phối trộn phôi nấm | **-** | - | 5 |
| 6 | Nước tưới ẩm nấm | **-** | 4 |  |
| **Tổng cộng** | | | | **14** | **13** |

*Ghi chú:*

*- Nước sử dụng vệ sinh nền chuồng gà được thực hiện sau khi xuất chuồng (định kỳ 90 ngày/lần), theo thực tế khoảng 3 m3/đợt nuôi. Sau khi thu dọn lớp đệm lót sinh học và phân gà, công nhân sẽ sử dụng chổi để quét các mẫu vụn, trấu còn sót lại, sau đó mới sử dụng bình phun nước áp lực để xịt rửa nền chuồng.*

*- Nước làm mát được tuần hoàn trong hệ thống cấp nước, hàng ngày bổ sung lượng nước thất thoát do bay hơi khoảng 1m3/ngày.*

*- Nước sử dụng để hấp phôi nấm khoảng 2,5m3/lần hấp (số lần hấp tiệt trùng phôi nấm trong 01 vụ là 20 lần và thực hiện trong khoảng 10 ngày). Mỗi lần hấp khoảng 5.000 bịch phôi nấm.*

*- Nước sử dụng để phối trộn phôi nấm để đạt độ ẩm 65-70% khoảng 15 m3/lần, mỗi lần kéo dài khoảng 3 ngày.*

*- Nước sử dụng để tưới nấm được phun sương để tạo độ ẩm tốt nhất cho nấm phát triển với khối lượng sử dụng khoảng 4m3/ngày.*

# 5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

# 5.1. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở và các hạng mục công trình đã đầu tư

*a. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở*

Cơ sở “Xây dựng trang trại nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp” được xây dựng và đi vào hoạt động từ tháng 02/2022. Hiện tại trang trại mới chỉ tiến hành nuôi gia công gà cho Công ty TNHH Japfa Comfeed với khối lượng 54.000 con/1 đợt nuôi. Theo đó, gà giống, thức ăn và các loại thuốc tiêm phòng sẽ được Công ty TNHH Japfa Comfeed cung cấp định kỳ theo nhu cầu sử dụng của Trại. Đối với trấu sử dụng làm lớp đệm lót trong quá trình nuôi được Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị cung cấp và được Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ tiến hành thu mua định kỳ sau mỗi đợt nuôi.

Hiện tại, Trang trại mới chỉ đầu tư và đi vào hoạt động hạng mục chăn nuôi gà, đối với hạng mục trồng nấm và cây dược liệu chưa đi vào vận hành.

*\* Đối với công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở:*

- Đối với nước thải: Ngay từ khi thành lập Cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống đường ống thu gom nước thải bằng PVC Ø60 có tổng chiều dài 380m chạy dọc theo các dãy nhà nuôi để thu gom nước thải phát sinh tại các chuồng nuôi dẫn về bể gom bằng xi măng với thể tích 12m3. Theo tình hình hoạt động thực tế tại Cơ sở, kết thúc quá trình nuôi, tiến hành vệ sinh 3 chuồng với lượng nước thải phát sinh khoảng 3m3/1 lần. Lượng nước thải phát sinh được thu gom, lưu và lắng tại bể gom, sau đó được chủ Cơ sở tận dụng ủ để tưới cho cây trồng trong khuôn viên trang trại, không phát sinh ra môi trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng mương thu nước mặt bằng bê tông xi măng chạy dọc khu vực chuồng nuôi với kích thước: 40x40cm dài khoảng 450m, nước mưa theo hướng nghiêng địa hình thoát ra sông Thạch Hãn ở phía Tây của Trang trại. Đối với các khu vực còn lại như diện tích dự kiến trồng cây dược liệu, cây xanh bóng mát theo hướng nghiêng địa hình chảy ra sông Thạch Hãn về phía Tây và phía Bắc cơ sở.

- Đối với khí thải: Tại mỗi chuồng nuôi, chủ Cơ sở đã tiến hành lắp đặt 10 quạt hút có công suất 1,1kW/1 quạt, hoạt động luân phiên (mỗi lần hoạt động đồng thời 5 quạt hút) để hút và xử lý khí thải tại các chuồng.

- Đối với công tác thu gom chất thải rắn và CTNH tại cơ sở:

+ Các CTR sinh hoạt: được công nhân thu gom và hợp đồng với Trung tâm môi trường và công trình đô thị huyện Triệu Phong thu gom và đưa đi xử lý với tần suất 1 tháng/1 lần (hợp đồng thu gom đính kèm ở phần phụ lục).

+ CTR sản xuất: CTR sản xuất là bao bì chứa thức ăn được lưu chứa trong kho chứa CTR để tái sử dụng đựng vỏ trấu sau mỗi đợt nuôi hoặc bán cho các cá nhân, hộ nông dân có nhu cầu. Đối với vỏ trấu phát sinh sau mỗi đợt nuôi được chủ Cơ sở thu gom và bán lại cho Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ để làm phân bón sinh học.

- CTNH tại Cơ sở như bóng đèn, dẻ lau dính dầu mỡ,... với khối lượng phát sinh thực tế khoảng 2kg/tháng hiện được thu gom vào trong kho chứa CTNH có diện tích khoảng 20m2, có dán nhãn cảnh báo. Đối với CTNH là bao bì thuốc thú y sử dụng trong quá trình tiêm phòng cho gà được Công ty TNHH Japfa Comfeed thu gom lại sau mỗi đợt tiêm, do đó không làm phát sinh tại Trang trại.

Trong thời gian tới, đối với CTNH phát sinh tại Cơ sở sẽ được Chủ cơ sở hợp đồng với các đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*b. Các hạng mục công trình đã đầu tư*

###### Cơ sở có diện tích 26.732 m2, bao gồm các hạng mục như sau:

Bảng 1.6. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình

| **TT** | **Hạng mục công trình** | **Diện tích (m2)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Hạng mục chính** |  |  |
| 1 | Trại gà 1 | 1.800 | Đã xây dựng |
| 2 | Trại gà 2 | 1.800 |
| 3 | Trại gà 3 | 1.800 |
| 4 | Nhà trồng nấm + kho | 6.000 | Chưa xây dựng |
| 5 | Khu vực trồng cây dược liệu | 3.200 |
| **II** | **Hạng mục phụ trợ** |  |  |
| 1 | Nhà điều hành, nhà công nhân + kho chứa thức ăn, thuốc thú ý | 125 | Đã xây dựng |
| 2 | Khu vực khử trùng | 10 | Chưa xây dựng |
| 3 | Đường bê tông nội bộ, hồ nước | 2.267 | Đã xây dựng 1 phần, hiện trạng rải đá dăm |
| **III** | **Hạng mục BVMT** |  |  |
| 1 | Cây xanh | 8.920 | Đã xây dựng 1 phần |
| 2 | Hệ thống xử lý nước thải | 640 | Đã xây dựng 1 phần |
| 3 | Kho chứa CTR + CTNH | 10 | Đã xây dựng |
| 4 | Khu xử lý gia cầm dịch bệnh (hố hủy xác) | 80 | Đã xây dựng |
| 5 | Khu vực ủ phân | 80 | Chưa xây dựng |
|  | **Tổng** | **26.732** |  |

## *5.2. Tổ chức quản lý và hoạt động của Cơ sở*

*\* Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:*

- Số lượng CBCNV tại Cơ sở hiện tại là 4 người.

- Số lượng CBCNV tại Cơ sở dự kiến khi đi vào hoạt động đúng công suất: 10 người.

# Chương II

# SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

# 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Xây dựng trang trại chăn nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp” đi vào hoạt động từ tháng 02/2022 phù hợp với các quy như sau:

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HDND của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025 và định hướng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045. Trong đó nêu rõ:

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi nước ta thuộc nhóm các quốc gia tiên tiến trong khu vực.

+ Phát triển chăn nuôi gia cầm theo phương thức công nghiệp. Tổng đàn gà có mặt thường xuyên từ 500 đến 550 triệu con, trong đó khoảng 60% được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/8/2020 của HĐND xã Triệu Thuận về phê duyệt bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2020-2021 xã Triệu Thuận. Trong đó nêu rõ: Quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất một số diện tích cây trồng hàng năm sang đất trang trại nuôi gà công nghệ cao, trồng cây ăn quả có giá trị, tại xứ đồng Hạ Đoạn thuộc thôn Dương Đại Thuận với tổng diện tích 25.000m2.

# 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải. Các nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở đã được phê duyệt và không có sự thay đổi.

# Chương III

# KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

# 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

# 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng mương thu nước mặt bằng bê tông xi măng chạy dọc khu vực chuồng nuôi với kích thước: 40x40cm dài khoảng 450m, nước mưa theo hướng nghiêng địa hình thoát ra sông Thạch Hãn ở phía Tây của Trang trại. Đối với các khu vực còn lại như diện tích dự kiến trồng cây dược liệu, cây xanh bóng mát theo hướng nghiêng địa hình chảy sông Thạch Hãn về phía Tây và phía Bắc cơ sở.

Nước mưa

Mương thoát nước

Môi trường tiếp nhận

Bùn đất

Định kỳ nạo vét

Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa của Cơ sở

# Qua quá trình hoạt động từ đầu năm 2022 cho đến nay cho thấy hệ thống thoát nước mưa của cơ sở hoạt động ổn định, đảm bảo thu gom và thoát nước mưa.

# 1.2. Thu gom, thoát nước thải

*\* Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi*

- Công trình thu gom nước thải phát sinh từ các chuồng nuôi: Hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng nuôi (định kỳ 3 tháng/1 lần) tại Cơ sở đã được xây dựng đồng bộ trong quá trình thi công bằng ống nhựa PVC Ø60 tổng chiều dài 380m chạy dọc theo các nhà nuôi, i=0,5%, dẫn về bể gom xây bằng BTXM có thể tích 12m3 nằm ở phía Tây trang trại.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải chăn nuôi phát sinh tại các chuồng nuôi được thu gom về bể gom có kích thước: D×R×C=3×2×2(m) với khối lượng thực tế phát sinh khoảng 3m3/1 lần vệ sinh chuồng trại. Tuy nhiên, lượng nước thải sản xuất (từ hoạt động chăn nuôi) tại Cơ sở phát sinh không thường xuyên (3 tháng/1 lần) và lưu lượng tương đối thấp. Lượng nước thải này sau khi lưu và lắng tại bể gom được chủ Cơ sở tận dụng để ủ, tưới cho cây trồng trong khuôn viên trại do đó không làm phát sinh ra bên ngoài môi trường. Vì vậy chủ cơ sở không xây dựng hệ thống xử lý nước thải mà sẽ hợp đồng với các đơn vị có năng lực để thu gom và xử lý trong thời gian tới. Dự kiến chủ cơ sở sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà thu gom, xử lý.

Chủ Cơ sở sẽ báo cáo cho cơ quan chuyên môn địa phương có thẩm quyền giám sát quá trình thu gom nước thải trong mỗi đợt thu gom. Khi đến thu gom và vận chuyển nước thải tại Cơ sở, 2 bên sẽ ký biên bản giao nhận để xác nhận đúng chủng loại và khối lượng nước thải đã chuyển giao. Nước thải sau đó sẽ được đơn vị có chức năng lưu chứa trong các thiết bị lưu chứa, vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng. Nước thải sau khi được vận chuyển đi xử lý sẽ được xử lý theo đúng quy trình, đơn vị xử lý sẽ cung cấp lại liên chứng từ xử lý cho Chủ đầu tư.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Cơ sở không thải ra môi trường.

*\* Nước thải phát sinh từ lò hơi hấp tiệt trùng phôi nấm*

Đối với nước thải từ lò hơi hấp tiệt trùng phôi nấm có khối lượng ít khoảng 0,5 m3/ngày và không chứa các chất ô nhiễm, do đó sẽ được dẫn thoát ra hệ thống thu gom thoát nước mưa của Trang trại.

*\* Nước thải sinh hoạt*

- Công trình thu gom nước thải: được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø110 từ các nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m3 để xử lý.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sau khi xử lý sẽ tự thấm ra bên ngoài, phần bùn thải được hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Triệu Phong định kỳ thu gom, xử lý. (Bản vẽ hệ thống bể tự hoại đính kèm ở phụ lục).

NTSH

Nước thải chăn nuôi

Bể tự hoại 3 ngăn

*ống HDPE* Ø110

*i=0,5%*

*ống PVC Ø60*

*i=0,35%*

Bể lắng

Thoát ra môi trường

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý

Nước thải từ lò hấp tiệt trùng phôi nấm

Hệ thống thu gom/thoát nước mưa

Thoát ra môi trường

Sơ đồ 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Cơ sở

# 1.3. Xử lý nước thải

## *\* Nước thải sinh hoạt*

Hiện tại, Cơ sở đã đi vào hoạt động hạng mục chăn nuôi gà, số lượng công nhân phục vụ tại trại là 4 người, tương ứng với khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,4m3/ngày. Khi Cơ sở đi vào hoạt động theo đúng công suất thiết kế, bao gồm các hạng mục: chăn nuôi gà, trồng nấm và trồng cây dược liệu hoạt động của Cơ sở làm phát sinh nước thải sinh hoạt từ hoạt động của 10 công nhân với khối lượng khoảng 1m3/ngày. Cơ sở đã xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m3 để thu gom xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sẽ tự thấm ra bên ngoài, phần bùn thải được hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Triệu Phong định kỳ thu gom, xử lý. (Bản vẽ hệ thống bể tự hoại đính kèm ở phụ lục).

Nguyên lý hoạt động: Nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2, tại đây quá trình phân hủy kị khí xảy ra sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn qua bể lắng cặn, tại ngăn này không có quá trình xáo trộn nên các chất rắn hữu cơ sẽ lắng xuống, phần không thể lắng sẽ được lọc trước khi qua bể lọc cát.

*\* Đối với nước thải từ hoạt động chăn nuôi:*

Nước thải chăn nuôi phát sinh tại Cơ sở với lưu lượng tương đối thấp, khoảng 3m3/1 lần vệ sinh chuồng trại (3 tháng vệ sinh 1 lần), thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng được thu gom về bể gom kích thước: D×R×C=3×2×2(m). Hiện tại, lượng nước thải này được lưu và lắng tại bể gom, sau đó được Cơ sở tận dụng để ủ , bón cho cây trồng trong khuôn viên trại do đó không làm phát sinh ra bên ngoài môi trường. Vì vậy chủ cơ sở không xây dựng hệ thống xử lý nước thải mà sẽ hợp đồng với các đơn vị có năng lực để thu gom và xử lý.

Trong thời gian tới, khi Cơ sở đi vào hoạt động hạng mục trồng cây dược liệu, lượng nước thải phát sinh này sau khi được lắng tại bể gom sẽ được chủ Cơ sở xử lý, ủ để tận dụng bón cho cây trồng trong Trang trại. Theo đó, chủ Cơ sở sẽ sử dụng chế phẩm vi sinh (chế phẩm EM được pha loãng với nước, tỷ lệ 1:50), hòa vào trong nước thải, định mức sử dụng là 1 lít chế phẩm EM/1m3 nước thải cần được xử lý kết hợp với men vi sinh khử mùi với định mức 1kg men vi sinh hòa trong 1m3 nước thải. Nước thải sau khi được xử lý bằng các chế phẩm vi sinh sẽ được tận dụng để tưới cây dược liệu trong khuôn viên Cơ sở.

*\* Đối với nước thải phát sinh từ lò hơi hấp tiệt trùng phôi nấm:*

Nước thải phát sinh từ lò hấp tiệt trung phôi nấm có khối lượng ít khoảng 0,5m3/ngày và không chứa các chất ô nhiễm, do đó sẽ được dẫn thoát ra hệ thống thu gom thoát nước mưa của Trang trại.

**2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Cơ sở không làm phát sinh các khí thải trực tiếp từ quá trình sản xuất mà chỉ phát sinh mùi hôi trong quá trình chăn nuôi, xuất bán gà, từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực Trang trại và phát sinh bụi từ hoạt động trong nấm. Do đó, Cơ sở không có các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến CBCNV và môi trường xung quanh. Các biện pháp đã được áp dụng cụ thể như sau:

***2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải đối với các hạng mục đã đi vào vận hành***

*\* Đối với hoạt động chăn nuôi gà*

- Chủ cơ sở sử dụng vỏ trấu làm đệm lót tại các chuồng nuôi gà với bề dày từ 8-10cm, định kỳ 2-3 ngày tiến hành đảo trộn lớp đệm lót và phun chế phẩm sinh học. Tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1 - 3 cm và luôn giữ cho nền đệm lót khô để phân hủy phân tốt. Kết thúc quá trình nuôi (90 ngày) tiến hành thu gom phân và lớp đệm lót để bán cho Nhà máy viên năng lượng Quảng Trị thu gom để làm các chế phẩm sinh học. Đồng thời, trong quá trình nuôi thường xuyên phun chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi.

- Sau khi gà xuất chuồng tiến hành vệ sinh tổng thể trên toàn bộ khu vực chuồng nuôi. Phân và vỏ trấu sẽ được công nhân dùng máy cào phân thu dọn vào bao bì đựng thức ăn để bán cho Nhà máy viên năng lượng Quảng Trị thu gom làm các chế phẩm sinh học. Trong quá trình vận chuyển phân sẽ sử dụng vôi và chế phẩm sinh học EM để hạn chế mùi hôi.

- Thực hiện vệ sinh chuồng trại thường xuyên, thiết kế mương dẫn nước thải kín để đưa về bể gom, không để nước thải và phân ứ động dọc theo mương dẫn nhằm hạn chế sự phát triển của ruồi bọ và hạn chế khả năng phân hủy phát sinh mùi.

- Trong mỗi chuồng nuôi gà Chủ cơ sở đều có lắp đặt 10 hệ thống quạt hút công suất 1,1kW/quạt (mỗi lần hoạt động 5 quạt, hoạt động luân phiên nhau) được bố trí phía cuối chuồng nhằm tạo không khí thoáng mát cho chuồng nuôi.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ kho chứa thức ăn gia cầm được hạn chế bằng cách không lưu thức ăn gia cầm quá lâu và thiết kế nhà kho đảm bảo thông thoáng, giảm khả năng phát sinh mùi tập trung, cục bộ. Kho thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, thức ăn gia cầm được sắp xếp gọn gàng, duy trì điều kiện bảo quản tốt để hạn chế khả năng phát sinh mùi do thức ăn rơi vãi, bị ẩm mốc,…

Ngoài ra, Chủ cơ sở còn tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu vực, điều này giúp hạn chế tối đa các tác động của mùi hôi phát sinh.

Bên cạnh đó để giảm thiểu tác động của bụi, mùi hôi từ hoạt động vận chuyển, Chủ cơ sở còn áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Xe vận chuyển không được nổ máy trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm.

- Sử dụng lớp đệm lót sinh học dưới thùng xe vận chuyển để hứng phân gà cũng như hạn chế mùi hôi từ phân phát tán trong quá trình vận chuyển.

Qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại bảng 5.2 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí làm việc tại Cơ sở đều đảm bảo đạt theo các quy định của QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 24:2016/BYT. Điều đó cho thấy các biện pháp này đang được chủ Cơ sở áp dụng có hiệu quả tại trang trại và sẽ tiếp tục áp dụng trong các giai đoạn vận hành tiếp theo.

***2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải đối với các hạng mục chưa đi vào vận hành***

*\* Đối với hoạt động trồng nấm*

Khi Trang trại triển khai các hoạt động trồng nấm sẽ làm phát sinh bụi từ hoạt động phối trộn nguyên liệu trồng nấm. Để hạn chế các tác động này Chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Phun nước tạo độ ẩm vào nguyên liệu trước khi đảo trộn;

- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp.

# 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*\* Đối với CTR sinh hoạt*

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Hiện tại CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở từ quá trình sinh hoạt của 4 công nhân chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả,..), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau... với khối lượng phát sinh khoảng 2 kg/ngày được công nhân thu gom 03 thùng rác dung tích 60L, bố trí ở khu vực nhà ở công nhân và các chuồng nuôi. Chủ cơ sở đã hợp đồng với Trung tâm Môi trường và đô thị huyện Triệu Phong thu gom, xử lý với tần suất 1 tháng/1 lần (có hợp đồng thu gom đính kèm ở phần phụ lục).

Trong thời gian tới, khi Cơ sở đi vào hoạt động theo đúng công suất thiết kế, lượng CTR sinh hoạt phát sinh sẽ lớn hơn số liệu hiện tại. Nhằm đảm bảo việc thu gom và xử lý CTR sinh hoạt theo đúng quy định, chủ cơ sở sẽ tiến hành phân loại theo quy định tại điều 75 Luật BVMT 2020, trong đó được chia thành các loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, túi nilon còn có khả năng sử dụng; chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau, củ quả thải,... và CTR sinh hoạt khác như bao bì ni lon hỏng, giấy lau,... Các CTR này sẽ được lưu chứa trong 05 thùng đựng rác loại có nắp đậy (03 thùng tại 03 chuồng nuôi, 01 thùng tại khu nhà ở công nhân và 01 thùng tại cổng ra vào trang trại). Định kỳ 1 tháng/lần thuê Trung tâm Môi trường và đô thị huyện Triệu Phong vận chuyển đi xử lý.

*\* Đối với CTR sản xuất:*

- Bao bì thức ăn: bao bì thức ăn phát sinh tại Trang trại hiện được chủ cơ sở lưu chứa tại khu vực kho chứa bố trí tại mỗi đầu chuồng nuôi để tái sử dụng (dùng để chứa lớp trấu được thu gom sau mỗi đợt nuôi) và bán cho các cơ sở, hộ kinh doanh nông nghiệp có nhu cầu.

- Bùn tại hố gom: định kỳ 3 tháng/1 lần được thu gom và đưa về khu vực ủ phân sau đó dùng để bón cho cây trồng trong trang trại.

- Phân gà + vỏ trấu: sau mỗi đợt nuôi, chủ cơ sở đã cho công nhân tiến hành thu gom lớp vỏ trấu tại chuồng vào các bao chứa (tận dụng lại bao chứa thức ăn tại trại) và bán cho Nhà máy viên năng lượng Quảng Trị thu mua.

Các biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả tại Cơ sở nên sẽ tiếp tục được áp dụng trong thời gian tới.

- Đối với bịch nấm loại thải: Khi Cơ sở đi vào đầu tư hạng mục trồng nấm, các bịch nấm loại thải sẽ được thu gom vào kho chứa và bán cho các đơn vị thu mua làm phân bón (Dự kiến Nhà máy viên năng lượng Quảng Trị sẽ thu mua khối lượng này).

# 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

*\* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH hiện đang được áp dụng:*

Hiện tại, hoạt động của Cơ sở làm phát sinh các chất thải nguy hại gồm:

- CTNH từ quá trình chăn nuôi bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, dầu nhớt thải, … với khối lượng khoảng 2 kg/tháng hiện đang được chủ cơ sở thu gom và lưu tại kho chứa CTNH.

- CTNH là bao bì thuốc thú y: Cơ sở chỉ tiến hành nuôi gia công cho Công ty TNHH Japfa Comfeed. Theo đó, số lượng và loại thuốc thú y sử dụng tại Cơ sở được Công ty cung cấp đúng chủng loại, liều dùng. Bao bì thuốc thú y và kim tiêm được thu gom và vận chuyển về Công ty theo từng đợt tiêm. Do đó không phát sinh tại Trang trại.

*\* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH sẽ được bổ sung được áp dụng trong thời gian tới:*

Trong thời gian tới, CTNH phát sinh tại khu vực Cơ sở sẽ được chủ Cơ sở hợp đồng với các đơn vị có năng lực để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Hiện nay, trên địa bàn Tỉnh chưa có đơn vị nào có đủ tư cách pháp nhân để xử lý CTNH. Trước mắt để xử lý lượng chất thải này thì chủ Cơ sở định kỳ sẽ hợp đồng với các đơn vị chuyên trách xử lý CTNH ở ngoài Tỉnh để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

# 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở không có các hoạt động sản xuất gây tiếng ồn lớn, chỉ có hoạt động giao thông và tiếng ồn do gà kêu. Chủ Cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do gà kêu: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp sẽ tập cho mỗi con gà có chung một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho gà không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

Các biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả tại Cơ sở nên sẽ tiếp tục được áp dụng trong thời gian tới.

# 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

*a.* *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ*

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Cơ sở:

- Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hoả có thể đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của Cơ sở, đảm bảo nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho, chuồng trại. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.

Nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác PCCC tại Cơ sở, trong thời gian tới, chủ cơ sở sẽ đầu tư thêm 15 bình CO2 MT3 loại 3kg bố trí cho các khu vực: 03 chuồng nuôi (4 bình CO2 MT3/01 chuồng), khu nhà trồng nấm (02 bình) và 01 bình tại nhà ở công nhân. Các phương tiện phòng chống cháy này luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

*b. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông*

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...vv đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Trang trại. Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Ban hành các quy định đối với các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào Cơ sở, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông cũng như nội quy đề ra. Các phương tiện có giấy chứng nhận Đăng kiểm phương tiện theo quy định của Nhà nước.

Hiện nay, các biện pháp phòng ngừa sự cố tại Cơ sở nêu trên đang được áp dụng có hiệu quả, do đó Chủ cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp này trong thời gian tới.

***d. Giảm thiểu sự cố do mưa bão***

Để phòng chống các thiệt hại do sự cố sạt lở đất gây nên Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực Trang trại được đổ bê tông nên nước mưa không ngấm vào đất làm cơ cấu đất yếu đi, do đó, hạn chế được sự cố sạt lở.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

Các biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả tại Cơ sở nên sẽ tiếp tục được áp dụng trong thời gian tới.

# 7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Ngày 31/5/2021, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1358/QĐ-UBND về phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng trang trại nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp. Trong đó, nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gà được xử lý đạt (cột B) QCVN 62-MT:2016/BTNMT trước khi thoát ra sông Thạch Hãn tại phía Bắc trang trại. Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi tại Trang trại như sau:

Hồ sinh học số 1

Hồ sinh học số 2

Chuồng nuôi gà thịt

Thoát ra sông Thạch Hãn

Bể lắng

Bùn

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, lượng nước thải phát sinh thực tế tại Cơ sở thấp hơn rất nhiều (khoảng 3m3/1 lần vệ sinh) so với dự báo tại báo cáo ĐTM (10,8m3/1 lần vệ sinh), tần suất vệ sinh chuồng trại là 3 tháng 1 lần. Bên cạnh đó từ khi Trang trại đi vào hoạt động chính thức (tháng 2/2022) cho đến nay, lượng nước thải chăn nuôi phát sinh được lưu và lắng tại hố gom sau đó được chủ cơ sở tận dụng để ủ, tưới cho cây trồng trong trang trại nên tại hố gom không có nước thải. Do đó, nhằm hạn chế các tác động của nước thải chăn nuôi đến môi trường đồng thời tiết kiệm chi phí và lợi ích kinh tế cho chủ Cơ sở trong quá trình hoạt động, chủ Cơ sở đề xuất thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý lượng nước thải chăn nuôi phát sinh theo phát sinh thực tế.

Trong thời gian tới, khi Cơ sở đi vào hoạt động hạng mục trồng cây dược liệu, lượng nước thải phát sinh này sau khi được lắng tại bể gom, chủ Cơ sở sẽ sử dụng chế phẩm vi sinh (chế phẩm EM được pha loãng với nước, tỷ lệ 1:50), hòa vào trong nước thải, định mức sử dụng là 1 lít chế phẩm EM/1m3 nước thải cần được xử lý kết hợp với men vi sinh khử mùi với định mức 1kg men vi sinh hòa trong 1m3 nước thải. Nước thải sau khi được xử lý bằng các chế phẩm vi sinh sẽ được tận dụng để tưới cây dược liệu trong khuôn viên Trang trại.

# Chương IV

# NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

# 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

# *1.1. Nước thải sinh hoạt*

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của 4 công nhân.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả thải lớn nhất tại cơ sở đề nghị cấp phép là 0,4m3/ngày.đêm ≈ 0,017 m3/giờ.

- Dòng nước thải: nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn của Cơ sở, sau đó thấm vào đất thuộc địa xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các các chất ô nhiễm theo dòng thải: Chất lượng môi trường nước thải sau khi xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông số** | **Đơn vị** | **QCVN 14:2008/BTNMT**  **(Cột B, K = 1)** |
| 1 | pH |  | 5-9 |
| 2 | BOD5 | mg/l | 50 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 |
| 4 | Sunfua | mg/l | 4 |
| 5 | Amoni | mg/l | 10 |
| 6 | Nitrat (NO3-) | mg/l | 50 |
| 7 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 10 |
| 8 | Photphat (PO43-) | mg/l | 10 |
| 9 | Coliforms | MPN/100ml | 5.000 |

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sinh hoạt của 4 CBCNV được xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m3. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ tự thấm ra bên ngoài, phần bùn thải sẽ hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Công trình Đô thị huyện Triệu Phong định kỳ thu gom, xử lý. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với nước thải.

# *1.2. Nước thải sản xuất*

- Nguồn phát sinh nước thải: từ hoạt động vệ sinh chuồng trại;

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nước thải sản xuất phát sinh tối đa 3 m3/1 lần (3 tháng vệ sinh 1 lần).

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ được chủ Cơ sở thu gom tại hố gom có thể tích 12m3 và hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Do đó, Chủ Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với nước thải sản xuất.

# 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông và mùi hôi từ quá trình nuôi gà. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Chủ Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

# 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông và từ tiếng kêu của gà. Tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và đã được áp dụng các biện pháp giảm thiểu như đề xuất tại chương III. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

# Chương V

# KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

# 1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Cơ sở đi vào hoạt động chính thức từ tháng 2/2022, chủ Cơ sở chưa thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ đối với nước thải, không khí, khí thải theo chương trình giám sát môi trường như đã được phê duyệt tại báo cáo ĐTM.

Do đó Chủ cơ sở là hộ chăn nuôi Phạm Hóa đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tiến hành quan trắc chất lượng môi trường không khí tại Cơ sở qua 02 đợt: 22/11/2022 và 23/11/2022. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vị trí lấy mẫu** | **Tọa độ** | |
| **X** | **Y** |
| Tại khu vực chuồng nuôi số 2- trang trại chăn nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp | 1.860.572 | 595.080 |

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí

| **TT** | **Thông số** | **Đơn vị** | **Kết quả** | | **QCVN 03:2019/BYT** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đợt 1** | **Đợt 2** |
| 1 | Tiếng ồn | μg/m3 | 64,8 | 63,9 | 70(1) |
| 2 | Tổng bụi lơ lửng | μg/m3 | 187 | 191 | 6.000(2) |
| 3 | NH3 | μg/m3 | KPH (40\*) | KPH (40\*) | 17.000 |
| 4 | H2S | μg/m3 | KPH (5\*) | KPH (5\*) | 10.000 |

*Ghi chú:*

*- (1): QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.*

*- (2): QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi. Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;*

*- QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.*

Qua bảng kết quả trên cho thấy, Tất cả các thông số đánh giá chất lượng môi trường không khí làm việc, tiếng ồn tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn theo QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 24:2016/BYT.

# Chương VI

# CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

# 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở chỉ có công trình xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tại Trang trại. Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì công trình xử lý chất thải của Cơ sở không phải thực hiện quá trình vận hành thử nghiệm.

# 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 thì Cơ sở có lưu lượng xả thải dưới 200m3/ngày.đêm nên không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, quan trắc định kỳ.

# *Hoạt động quan trắc môi trường theo đề xuất của chủ cơ sở*

*\* Quan trắc môi trường không khí vùng làm việc*

- Vị trí: 02 vị trí;

+ Tại khu vực chuồng nuôi số 2 của Trang trại;

+ Tại vị trí tại nhà trồng nấm;

- Tần suất: 06 tháng/lần;

- Thông số giám sát: Bụi, NH3, H2S, độ ồn;

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

## *\* Quan trắc CTR và CTNH*

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại khu vực chứa CTR, CTNH của Cơ sở.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Ngoài ra, Chủ cơ sở sẽ tiến hành giám sát môi trường đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

# 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 40.000.000 đồng.

# Chương VII

# KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở chính thức đi vào hoạt động từ tháng 2/2022, từ đó đến nay chưa có cơ quan có thẩm quyền về môi trường kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở.

# Chương VIII

# CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết thực hiện việc thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thể xử lý nước thải chăn nuôi phát sinh tại Trang trại;

- Cam kết trong quá trình vận hành các công trình xử lý chất thải, nếu gặp phải các sự cố đối sẽ tiến hành ngừng các hoạt động xả thải và khắp phục các công trình.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật.

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường;

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;

- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

# CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

[1]. Báo cáo ĐTM dự án: Xây dựng trang trại nuôi gà công nghệ cao và trồng nấm, cây dược liệu tổng hợp;

[2] Môi trường không khí, GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 2000

[3]. Nghị định 80/2014/NĐ - CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;

[4]. Asessment of sources of Air, Water and Land Pollution. Part I, World Health Organization, Geneva, 1993 (WHO, 1993);

[5]. Âm học kiến trúc - Cơ sở lý thuyết và các giải pháp ứng dụng, PGS.TS Phạm Đức Nguyên

[6]. Cục Thống kê Quảng Trị, Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2019;

[7]. Báo cáo tình hình KT-XH năm 2019, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 xã Triệu Thuận;

[8]. Quản lý chất thải rắn. GS.TS. Trần Hiếu Nhuệ, TS. Ứng Quốc Dũng, TS. Nguyễn Thị Kim Thái. NXB Xây Dựng, Hà Nội – 2001;

[9] Chất thải rắn nông thôn, nông nghiệp và làng nghề thực trạng và giải pháp, GS.TS. Đặng Kim Chi, Viện Khoa học Và Kỹ thuật Môi trường - Đại Học bách Khoa Hà Nội, 2007;

# [10] Quy trình chăn nuôi gia cầm công nghiệp của Công ty TNHH JAPFA COMFEED;

[11] Kỹ thuật chăn nuôi gà trong nông hộ, Trần Kim Anh, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;

[12] TCXDVN 33-2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

[13] TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

[14]. Tài nguyên môi trường hạ lưu sông Thạch Hãn - TS. Nguyễn Trường Khoa, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quảng Trị - 2001;

[15]. Xử lý nước thải bằng vi sinh vật – PGS.TS. Lê Quốc Tuấn, Trường Đại học nông lâm TP. Hồ Chí Minh.